

Ngày soạn:/...../

Ngày dạy:/...../

BUỔI 30. ÔN TẬP CHUNG**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Củng cố quy tắc cộng, trừ, nhân chia số thập phân.
- Vận dụng được thành thạo các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc đối với số thập phân trong tính toán.
- Ghi nhớ cách là tròn số thập phân đến một hàng đã chọn.
- Củng cố cách tính tỉ số phần trăm của hai số, tính được tỉ số phần trăm của hai địa lượng.
- Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tìm được một số khi biết giá trị phần trăm của số đó.
- Vận dụng được một số bài toán thực tế (như lãi suất, giá tiền,...) các công thức đã học vào bài toán cụ thể và bài toán thực tiễn.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giao tiếp toán học: trình bày được lời giải trước tập thể lớp, trả lời được các câu hỏi đặt ra của bạn học và của giáo viên
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để nêu được phương pháp giải các dạng bài tập và từ đó áp dụng để giải một số dạng bài tập cụ thể.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, bảng phụ, phấn màu.**2. Học sinh:** SGK, bảng nhóm, bút dạ.**III. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY**

Tiết 1.**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU****a) Mục tiêu:**

- HS làm được các bài tập trắc nghiệm đầu giờ.
- Học sinh nhắc lại được các lý thuyết đã học về các phép toán với số thập phân; tỉ số và tỉ số phần trăm; hai bài toán về tỉ số phần trăm.

b) Nội dung:

- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi lý thuyết về các phép toán với số thập phân; tỉ số và tỉ số phần trăm; hai bài toán về tỉ số phần trăm.

c) Sản phẩm:

- Viết được các kiến thức cần nhớ về nội dung buổi học ôn tập chung.

d) Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra trắc nghiệm – Hình thức giơ bảng kết quả của học sinh (cá nhân).

Kiểm tra lý thuyết bằng trả lời miệng (cá nhân)

BÀI KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM ĐẦU GIỜ

Câu 1: 25% của $10,5$ là

- A. $2,652$ B. $2,625$ C. $2,265$ D. $2,625\%$

Đáp án B.

Câu 2: 30% của một số bằng $1\frac{1}{5}$. Số đó là:

- A. 4 B. $0,36$ C. $0,25$ D. 36

Đáp án A.

Câu 3: $2,95\%$ viết dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{12}{100}$ B. $\frac{12}{1000}$ C. $\frac{3}{250}$ D. $\frac{3}{500}$

Đáp án C.

Câu 4: Lớp 6A có 20 học sinh nam và 30 học sinh nữ thì tỉ số phần trăm của số học sinh nam và số học sinh cả lớp là:

- A. 20% B. 60% C. 40% D. 75%

Đáp án C.

Câu 5: Chia đều một thanh gỗ dài $6,35m$ thành năm đoạn bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn gỗ (làm tròn đến hàng phần mười).

A. 1,27

B. 1,2

C. 1,37

D. 1,3

Đáp án D.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt										
<p>Bước 1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p>NV1: Hoàn thành bài tập trắc nghiệm đầu giờ.</p> <p>NV2: Nêu quy tắc cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.</p> <p>NV3: Thế nào là tỉ số và tỉ số phần trăm của hai số a và b?</p> <p>NV4: Nêu hai bài toán về tỉ số phần trăm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Hoạt động cá nhân trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>NV1: HS giơ bảng kết quả trắc nghiệm. (Yêu cầu 2 bạn ngồi cạnh kiểm tra kết quả của nhau)</p> <p>NV2, 3, 4: HS đứng tại chỗ báo cáo</p> <p>Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả</p> <p>- GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức.</p> <p>- GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở</p>	<p>Kết quả trắc nghiệm</p> <table><tr><td>C1</td><td>C2</td><td>C3</td><td>C4</td><td>C5</td></tr><tr><td>B</td><td>A</td><td>C</td><td>C</td><td>D</td></tr></table> <p>I. Nhắc lại lý thuyết</p> <p>1. Các phép toán với số thập phân</p> <p>a) Phép cộng số thập phân</p> <p>+ Cộng hai số thập phân âm: $(-a) + (-b) = -(a+b)$ với $a, b > 0$.</p> <p>+ Cộng hai số thập phân khác dấu: $(-a) + b = b - a$ nếu $0 < a \leq b$. $(-a) + b = -(a - b)$ nếu $a > b > 0$.</p> <p>b) Phép trừ hai số thập phân</p> <p>$a - b = a + (-b)$</p> <p>c) Phép nhân số thập phân</p> <p>+ Nhân hai số cùng dấu: $(-a) \cdot (-b) = a \cdot b$ với $a, b > 0$</p> <p>+ Nhân hai số khác dấu: $(-a) \cdot b = a \cdot (-b) = -(a \cdot b)$ với $a, b > 0$</p> <p>d) Phép chia hai số thập phân</p> <p>+ Chia hai số cùng dấu: $(-a) : (-b) = a : b$ với $a, b > 0$</p> <p>+ Chia hai số khác dấu $(-a) : b = a : (-b) = -(a : b)$ với $a, b > 0$</p> <p>2. Tỉ số và tỉ số phần trăm</p> <p>a) Tỉ số của hai số a và b tùy ý ($b \neq 0$) là</p>	C1	C2	C3	C4	C5	B	A	C	C	D
C1	C2	C3	C4	C5							
B	A	C	C	D							

	<p>thương của phép chia số a cho số b, kí hiệu</p> $a : b \text{ hoặc } \frac{a}{b}.$ <p>b) Tỉ số phần trăm của hai số a và b là</p> $\frac{a}{b} \cdot 100\%$ <p>3. Hai bài toán về tỉ số phần trăm.</p> <p>Bài toán 1: <i>Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.</i></p> <p>Cách giải: Muốn tìm $m\%$ của số a, ta tính</p> $a \cdot \frac{m}{100}.$ <p>Bài toán 2: <i>Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó.</i></p> <p>Cách giải: Muốn tìm một số khi biết $m\%$ của số đó là b, ta tính</p> $b : \frac{m}{100}.$
--	--

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Dạng 1: Thực hiện phép toán với số thập phân

a) Mục tiêu:

Vận dụng thành thạo quy tắc cộng, trừ, nhân, chia số thập phân vào bài tập.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4

c) Sản phẩm: Tìm được kết quả của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ 1</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài 1.</p> <p>Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài, thực hiện các phép toán với số thập phân</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- 3 HS lên bảng thực hiện và các HS khác quan sát, nhận xét, xem lại bài trong</p>	<p>Bài 1: Thực hiện phép tính</p> <p>a) $(-10,145) + (-8,255)$</p> <p>b) $(-7,452) + 8,74$</p> <p>c) $(-15,165) - (-4,795)$</p> <p>d) $8,625 \cdot (-3)$</p> <p>e) $(-0,435) \cdot (1,35)$</p> <p>f) $(-4,0625) : 3,25$</p> <p style="text-align: right;">Giải:</p>

<p>vở.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.</p>	<p>a) $(-10,145) + (-8,255)$ $= -(10,145 + 8,255) = -18,4$</p> <p>b) $(-7,452) + 8,74$ $= 8,74 - 7,452 = 1,288$</p> <p>c) $(-15,165) - (-4,795)$ $= -15,165 + 4,795 = -10,37$</p> <p>d) $8,625 \cdot (-3) = -25,875$</p> <p>e) $(-0,435) \cdot (1,2) = -0,522$</p> <p>f) $(-4,0625) : 3,25 = -1,25$</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 2.</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>- HS thực hiện giải toán cá nhân</p> <p>- HS so sánh kết quả với bạn bên cạnh</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài, làm bài cá nhân và thảo luận cặp đôi theo bàn trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- HS hoạt động cá nhân, đại diện 3 hs lên bảng trình bày, mỗi HS làm 2 ý</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.</p>	<p>Bài 2: Tính giá trị của các biểu thức sau:</p> <p>a) $A = 15,37 \cdot 0,12 - 0,12 \cdot 13,37$</p> <p>b) $B = (1,96 - 4,5 \cdot 1,96) : (-6,0324 + 1,5324)$</p> <p>c) $C = (15,25 + 3,75) \cdot 4 + (20,71 + 5,29) \cdot 5$</p> <p>d) $D = 3,16 \cdot 9 + 2,84 \cdot 9 - (7,2 \cdot 1,25) \frac{9}{8} \cdot 2,04 - (-3,1 - 4,9) \frac{1}{4}$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a) $A = 15,37 \cdot 0,12 - 0,12 \cdot 13,37$ $= 0,12 \cdot (15,37 - 13,37)$ $= 0,12 \cdot 2 = 0,24$</p> <p>b) $B = (1,96 - 5 \cdot 1,96) : (-6,0324 + 1,5324)$ $= 1,96 \cdot (1 - 5) : (-4,5)$ $= 1,96 \cdot 4,5 : (-4,5)$ $= 1,96 \cdot (-1) = -1,96$</p> <p>c) $C = (15,25 + 3,75) \cdot 4 + (20,71 + 5,29) \cdot 5$ $= 19 \cdot 4 + 26 \cdot 5 = 76 + 130 = 206$</p> <p>d) $D = 3,16 \cdot 9 + 2,84 \cdot 9 - (7,2 \cdot 1,25) \frac{9}{8} \cdot 2,04 - (-3,1 - 4,9) \frac{1}{4}$ $= 9 \cdot (3,16 + 2,8) - 9 \cdot \frac{9}{8} \cdot 2,04 - (-8) \frac{1}{4}$ $= 9 \cdot 5,96 - 9 \cdot 5,96$ $= 0$</p>

Tiết 2: ÔN TẬP HAI BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM

a) Mục tiêu:

- Phân biệt được dạng toán
- Củng cố kĩ năng giải hai bài toán về tỉ số phần trăm.

b) Nội dung: Bài 3; 4, 5, 6; 7.**c) Sản phẩm:** Biết giải quyết các bài toán thực tế về tỉ số phần trăm.**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
DẠNG 1: Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.	
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 3 . Yêu cầu: - HS thực hiện theo cá nhân Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài định hướng lời giải Bước 3: Báo cáo kết quả - 1 HS trình bày cách làm - HS khác phản biện và nhận xét Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS lên bảng chữa bài. GV chốt lại các bước giải bài tập.	Bài 3: Một bệnh viện có 648 người bao gồm bác sỹ và y tá. Biết số bác sỹ chiếm 12,5%. Hỏi số bác sỹ chiếm bao nhiêu người <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Tổng số bác sỹ của bệnh viện là:</p> $648 \cdot \frac{12,5}{100} = 81 \text{ (người)}$
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 4 . Yêu cầu: - HS thực hiện theo nhóm đôi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm. HS phân nhiệm vụ và trình bày bài tập vào bảng vở Bước 3: Báo cáo kết quả - HS một nhóm trình bày cách làm - HS khác phản biện và đại diện nhóm trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS lên bảng chữa bài. GV chốt lại các bước giải bài tập tính lãi suất.	Bài 4. Một người gửi 10 triệu đồng vào ngân hàng với lãi suất 7% một năm. Sau một năm người ấy mới rút hết tiền ra. Hỏi người đó nhận được bao nhiêu tiền? <p style="text-align: center;">Giải:</p> <p>Sau năm thứ nhất người đó lãi:</p> $7\% \cdot 10000000 = 700000 \text{ (đồng)}$ <p>Số tiền người đó nhận sau một năm là:</p> $10000000 + 749000 = 11449000 \text{ (đồng)}.$
Bước 1: Giao nhiệm vụ	Bài 5. Không khí xung quanh ta gồm nhiều chất khí

<p>- GV cho HS đọc đề bài bài 5.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại quy tắc làm tròn số đến hàng phần trăm. - HS thực hiện cá nhân <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài - HS đứng tại chỗ trả lời quy tắc làm tròn đến hàng phần trăm. - HS trình bày bài tập vào bảng vở <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng trình bày. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS lên bảng chữa bài. Dưới lớp chuyển bài giữa hai bạn cùng bàn để kiểm tra. GV chốt lại các bước giải bài tập, đặc biệt lưu ý về quy tắc làm tròn số tới hàng mười, hàng trăm, hàng nghìn,... 	<p>khác nhau. Trong điều kiện thông thường khí oxygen chiếm khoảng 21% thể tích không khí. Hỏi có bao nhiêu mét khối oxygen trong một căn phòng có thể tích $75,2m^3$ (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).</p> <p>Giải</p> <p>Số mét khối oxygen trong một căn phòng có thể tích $75,2m^3$ là :</p> $75,2 \cdot \frac{21}{100} = 15,79(m^3)$
DẠNG 2: Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó.	
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 6. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện theo nhóm đôi <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm. <p>HS phân nhiệm vụ và trình bày bài tập vào bảng vở</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS một nhóm trình bày cách làm - HS khác phản biện và đại diện nhóm trả lời <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS lên bảng chữa bài. GV chốt lại các bước giải bài tập tính lãi suất. 	<p>Bài 6. Trong một cuộc bình chọn học sinh tài năng của trường ở cuộc thi văn nghệ, Minh được 615 lượt bình chọn, chiếm 75% tổng số lượt bình chọn. Hỏi có bao nhiêu học sinh trong trường đã tham gia bình chọn?</p> <p>Giải</p> <p>Theo đề bài, 75% lượt bình chọn là 615 học sinh. Số học sinh trong trường đã tham gia bình chọn là:</p> $615 : \frac{75}{100} = 820 \text{ (học sinh)}$
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 7. 	<p>Bài 7: Một người bán một số gạo tron 3 ngày. Ngày thứ nhất bán $\frac{1}{3}$ số gạo. Ngày thứ hai bán $\frac{4}{9}$ số gạo còn lại.</p>

<p>Hướng dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy tính phân số biểu diễn số gạo bán ngày thứ hai so với số gạo ban đầu. Từ đó tìm phân số biểu diễn số gạo bán ngày thứ ba (ứng với 1400 kg gạo) để tính được số gạo ban đầu. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và giải toán <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm <p>HS suy nghĩ và giải toán</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày kết quả - Đại diện nhóm trình bày cách làm - HS phản biện và đại diện nhóm trả lời <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm. <p>GV chốt lại kết quả và cách làm bài.</p>	<p>Ngày thứ ba người ấy bán nốt $1400kg$ gạo. Tính số gạo bán trong cả ba ngày?</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Số gạo còn lại sau ngày thứ nhất bán chiếm số phần là: $1 - \frac{1}{3} = \frac{2}{3}$ (phần)</p> <p>Số gạo bán trong ngày thứ hai chiếm số phần là: $\frac{4}{9} \cdot \frac{2}{3} = \frac{8}{27}$ (phần)</p> <p>Số gạo bán trong ngày thứ ba chiếm số phần là: $\frac{2}{3} - \frac{8}{27} = \frac{10}{27}$.</p> <p>Tổng số gạo bán trong ba ngày là:</p> $1400 : \frac{10}{27} = 3780 \text{ (kg gạo)}$
--	--

Tiết 3: Luyện tập chung

a) Mục tiêu:

- Phân biệt được dạng toán
- Củng cố kỹ năng giải hai bài toán về tỉ số phần trăm.

b) Nội dung: Bài 8; 9; 10.

c) Sản phẩm: Biết giải quyết các bài toán thực tế về tỉ số phần trăm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 8. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS phân biệt được đây là dạng toán nào? - Đề toán cho biết gì, cần tìm gì? - HS giải toán theo cá nhân và trao đổi kết quả cặp đôi <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Bài 8: Giá niêm yết của một chiếc tủ lạnh là 20 triệu đồng. Nhân dịp Tết trung thu nên cửa hàng hạ giá mặt hàng này 15%. Hỏi giá bán sau khi hạ là bao nhiêu?</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Số tiền giảm sau khi hạ 15% giá là:</p> $20000000 \cdot \frac{15}{100} = 3000000 \text{ (đồng)}$

<ul style="list-style-type: none"> - HS đứng tại chỗ nêu lại cách giải bài toán tìm giá trị phần trăm của một số cho trước - HS thực hiện giải bài tập cá nhân, trao đổi kết quả theo cặp <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng trình bày bảng HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức 	<p>Giá bán chiếc tủ lạnh sau khi hạ giá là: $20\,000\,000 - 3\,000\,000 = 17\,000\,000$ (đồng)</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 9. GV đưa ra hướng dẫn cho các nhóm thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> + Để tính tỉ số phần trăm của hai số ta cần lưu ý hai số phải có cùng đơn vị đo. + Cách đổi từ gam sang kg $1\text{kg} = 1000\text{gam}$ $1\text{gam} = 0,001\text{kg}$ + a) Cách tính tỉ số phần trăm của hai số a và b ta làm như thế nào? + b) Bài toán có thể hiểu là tìm một số biết 24% của nó bằng $1,5\text{kg}$. <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4 giải bài tập. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, các nhóm thảo luận suy nghĩ hướng giải theo các hướng dẫn của GV. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu 1 nhóm trình bày hướng giải - Nhóm khác nhận xét và nhóm trình bày phản biện <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho các nhóm nhận xét chéo bài làm của nhau trong cùng tổ. 	<p>Bài 9: Trong 1kg đậu đen nấu chín có khoảng 240 gam chất đạm.</p> <p>a) Tính tỉ lệ phần trăm khối lượng đạm có trong 1kg đậu đen nấu chín.</p> <p>b) Tính kilôgam đậu đen đã nấu chín để có 1,5 kg chất đạm.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>$240\text{g} = 0,24\text{kg}$</p> <p>a) Đổi Tỉ lệ phần trăm khối lượng đạm có trong 1kg đậu đen nấu chín là: $\frac{0,24}{1} \cdot 100\% = 24\%$</p> <p>b) Số kilôgam đậu đen đã nấu chín để có 1,5 kg chất đạm là: $1,5 : \frac{24}{100} = 6,25(\text{kg})$</p>

GV chốt lại kết quả và cách làm bài, khen nhóm giải nhanh và chính xác bài toán	
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 10.</p> <p>Đặt câu hỏi hướng dẫn</p> <p>- Để tính được số tiền khi mua bơ sáp và táo em thực hiện như thế nào?</p> <p>- Hãy cho biết để tính được tiền thuế giá trị gia tăng VAT ta vận dụng dạng toán nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện giải bài tập theo nhóm đôi với các hướng dẫn của GV</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- Đại diện một nhóm đứng lên trình bày cách làm, và lên bảng thực hiện HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức (GV giới thiệu mở rộng về thuế VAT để học sinh hiểu rõ hơn)</p>	<p>Bài 10: Thắng ra siêu thị mua $3,5$ kg quả bơ sáp, 2kg táo. Giá (chưa tính thuế) của 1kg bơ sáp là $40\,000$ đồng, 1kg táo là $25\,000$ đồng</p> <p>a) Tính tổng số tiền hàng.</p> <p>b) Khi thanh toán Thắng phải trả thêm thuế VAT (thuế giá trị gia tăng) được tính bằng 10% tổng số tiền hàng. Tính số tiền Thắng phải thanh toán.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a) Tổng số tiền hàng Thắng đã mua là:</p> $3,5 \cdot 40\,000 + 2 \cdot 25\,500$ $= 140\,000 + 51\,000 = 191\,000 \text{ (đồng)}$ <p>b) Số tiền thuế giá trị gia tăng VAT là:</p> $191\,000 \cdot \frac{10}{100} = 19\,100 \text{ (đồng)}$ <p>Số tiền Thắng phải thanh toán là:</p> $191\,000 + 19\,100 = 210\,100 \text{ (đồng)}$

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Yêu cầu HS học thuộc các tính chất của phép nhân phân số, nắm chắc các cách giải bài toán về tỉ số phần trăm.

- Hoàn thành các bài tập

Bài 1: Một doanh trại quân đội có 250 người bao gồm sỹ quan và lính. Biết đội ngũ sỹ quan chỉ chiếm 6% . Hỏi có bao nhiêu lính?

Bài 2: Dân số ở một xã là $44\,000$ người. Trung bình mỗi năm mức tăng dân số xã đó là 2% . Hỏi sang năm dân số của xã là bao nhiêu người?

Bài 3. Cứ xay 100kg thóc thu được 65kg gạo. Hỏi phải xay mấy tạ thóc để thu được 520kg gạo?

Bài 4. Một cuộn dây dài $150m$. Lần thứ nhất người bán hàng cắt đi $\frac{8}{15}$ cuộn dây, lần thứ hai cắt tiếp $\frac{5}{14}$ phần còn lại. Hỏi sau hai lần cắt thì phần dây còn lại dài bao nhiêu mét?

Bài 5. Một người gửi tiết kiệm 6000000 đồng. Sau một tháng cả tiền gửi và tiền lãi được 6030000 đồng.

a) Tính lãi suất tiết kiệm một tháng.

b) Với mức lãi suất tiết kiệm như thế, nếu người đó gửi 6000000 đồng trong 2 tháng thì rút ra tiền gốc và lãi được tất cả bao nhiêu tiền ?

Bài 6. Một người bán hàng bán 4 chiếc đồng hồ đeo tay cùng loại được lãi xuất 120000 đồng. Biết số tiền lãi bằng 20% số tiền vốn. Hỏi giá tiền của mỗi chiếc đồng hồ là bao nhiêu đồng?

Bài 7. Tổng kết cuối năm lớp 6A chỉ có ba loại: Học sinh Giỏi, Khá và Trung bình, không có học sinh Yếu, Kém.

a) Biết 20% số học sinh Giỏi là 6 bạn. Tính số học sinh Giỏi của lớp 6A?

b) Số học sinh Khá bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh Giỏi. Tính số học sinh Khá của lớp 6A?

c) Biết số học sinh Trung bình bằng 5% số học sinh Khá. Tính tổng số học sinh của lớp 6A?

Bài 8. Một trường THCS có 1800 học sinh. Số học sinh khối 6 bằng 25% số học sinh toàn trường. Số học sinh khối 7 bằng $\frac{3}{10}$ số học sinh toàn trường.

a) Mỗi khối 6 và 7 có bao nhiêu học sinh?

b) Tính tỉ số phần trăm của tổng số học sinh khối 8 và 9 so với số học sinh toàn trường?

c) Biết số học sinh khối 7 bằng $\frac{6}{5}$ số học sinh khối 8. Tính số học sinh mỗi khối 8 và 9?

Bài 9. Một người mang ra chợ bán 120 quả trứng và có ba người mua hết chỗ trứng.

Người thứ nhất mua $\frac{1}{3}$ tổng số trứng, người thứ hai mua $\frac{3}{4}$ số quả trứng còn lại.

a) Hỏi mỗi người mua bao nhiêu quả trứng?

b) Số trứng bán cho người thứ hai bằng bao nhiêu phần trăm tổng số trứng?

Bài 10. Trong một đợt lao động trồng cây, lớp 6C được phân công trồng 200 cây. Số cây tổ I trồng được chiếm 40% tổng số cây cả lớp trồng. Số cây tổ II trồng bằng 71,25% số cây mà tổ I trồng. Tính số cây tổ III trồng được, biết rằng lớp 6C chỉ có 3 tổ.